

Số: 34 /2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Thực hiện Công văn số 84/HĐND-VP ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1619/TTr-STC ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 1136/BC-STP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Sở Tư pháp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng:**

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước ở cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc, cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố theo phân cấp tại Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận.

4. Tiêu chuẩn máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận:**

1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận theo biểu phụ lục đính kèm

2. Tiêu chuẩn, định mức tại Khoản 1 Điều này là mức tối đa làm cơ sở cho lập dự toán mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch, dự toán ngân sách mua sắm phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 5. Điều khoản thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Trung tâm CNTT và truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

LTP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Lưu Xuân Vĩnh**



**PHỤ LỤC**

**định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng**  
**cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Ninh Thuận**  
*(Kèm theo Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH</b>			
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở</b>			
1.1	Máy chiếu + màn chiếu (44*244m)	Cái	01	
1.2	Máy quay phim KTS	Cái	02	
1.3	Máy ảnh KTS	Cái	03	
<b>2</b>	<b>Đoàn ca múa nhạc dân tộc</b>			
2.1	Loa monitor (1000W) + thùng bảo vệ	Cặp	02	
2.2	Loa full đôi (1500W) + thùng bảo vệ	Cặp	02	
2.3	Loa sub (1500W) + thùng bảo vệ	Cặp	02	
2.4	Thiết bị chia tầng số (TC Electronic X24)	Cái	01	
2.5	Mixer digital + tủ chuyên dùng	Cái	01	
2.6	Micro sanphin (không dây)	Cái	10	
2.7	Vi tính Laptop âm thanh	Cái	01	
2.8	Cáp truyền tín hiệu âm thanh (16 x 8 Digital Snake Stage Box)	Bộ	01	
2.9	Mixer đèn + tủ chuyên dùng	Cái	01	
2.10	Đèn moving head lasting + thùng đèn	Cái	08	
2.11	Đèn Beam 200W+ thùng đèn	Cái	12	
2.12	Đèn follow	Cái	02	
2.13	Vi tính Laptop ánh sáng	Cái	01	
2.14	Trụ đèn	Trụ	04	
2.15	Trống điện tử	Bộ	01	
2.16	Trống giăng + giá đỡ	Cặp	01	
2.17	Đàn Organ	Cây	02	
2.18	Đàn ghita thùng	Cây	02	
2.19	Trống Conga - Bongo	Bộ	01	
2.20	Đàn guitar Bass	Cây	01	
2.21	Đàn guitar Solos	Cây	01	
2.22	Máy phát điện	Cái	01	
2.23	Máy chiếu	Cái	02	
<b>3</b>	<b>Trung tâm Văn hóa tỉnh</b>			
3.1	Dàn âm thanh sân khấu	Bộ	01	
3.2	Vi tính Laptop âm thanh	Cái	01	
3.3	Cáp truyền tín hiệu âm thanh	Bộ	01	



3.4	Vi tính Laptop ánh sáng	Cái	01	
3.5	Trụ đèn	Trụ	04	
3.6	Trống điện tử	Bộ	01	
3.7	Đàn Organ	Cây	02	
3.8	Đàn ghita thùng	Cây	02	
3.9	Trống Conga - Bongo	Bộ	01	
3.10	Đàn guitar Bass	Cây	01	
3.11	Đàn guitar Solos	Cây	01	
3.12	Hộp tiếng guitar	Hộp	02	
3.13	Máy phát điện	Cái	01	
3.14	Máy chiếu	Cái	01	
3.15	Vi tính Laptop	Cái	01	
3.16	Máy Phát điện-15W	Cái	02	
3.17	Đàn Organ S970	Cây	01	
3.18	Trống Ghinăng+đế trống	Cặp	02	
3.19	Màn hình Led	Cái	01	
<b>4</b>	<b>Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm</b>			
4.1	Máy quay phim (4K)	Cái	01	
4.2	Máy ghi âm 16GB	Cái	06	
4.3	Máy ảnh	Cái	02	
4.4	Máy vi tính Laptop	Cái	02	
4.5	Đèn chiếu tranh ảnh, hiện vật	Cái	50	
4.6	Bộ máy chiếu full HD bao gồm đầu phát máy chiếu, lap top, màn chiếu, mixer, ..	Bộ	01	
<b>5</b>	<b>Trung tâm PH phim và Chiếu bóng</b>			
5.1	Bộ máy chiếu phim công nghệ số full HD	Bộ	04	
5.2	Máy phát điện 2kw	Cái	03	
5.3	Máy ảnh	Cái	01	
5.4	Máy vi tính (laptop core i7, card VGA 2GB)	Cái	01	
5.5	Camera HD	Cái	01	
5.6	Máy sang đĩa (12 đĩa)	Cái	01	
5.7	Bàn dựng phim	Cái	01	
<b>6</b>	<b>Thư viện tỉnh</b>			
6.1	Router With Firewall	Cái	01	
6.2	Bộ MultiSaet	Bộ	01	
6.3	Máy vi tính Compac Pro	Cái	40	
<b>7</b>	<b>Bảo tàng tỉnh</b>			
7.1	Máy ghi âm bộ nhớ trong 8G	Cái	02	
<b>8</b>	<b>Ban quản lý di tích tỉnh</b>			
8.1	Bộ đàm	Bộ	01	
8.2	Máy ảnh	Cái	01	
<b>9</b>	<b>Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch</b>			

9.1	Máy ảnh	Cái	01	
9.2	Tivi Led 48 inch	Cái	01	
9.3	Máy chiếu	Cái	01	
<b>10</b>	<b>Trung tâm HL &amp; Thi đấu TDTT</b>			
10.1	Bộ âm ly + loa	Bộ	02	
10.2	Bộ máy chiếu	Bộ	01	
10.3	Máy phát điện	Cái	02	
10.4	Tivi 52 in	Cái	03	
10.5	Giáp điện tử + nón điện tử + tất điện tử	Bộ	02	
10.6	Máy bắn câu lông	Cái	01	
10.7	Máy bắn Bóng bàn	Cái	01	
10.8	Máy bắn banh Quần Vợt	Cái	01	
10.9	Máy chạy bộ đa năng điện Impulse	Cái	02	
<b>II</b>	<b>SỞ XÂY DỰNG</b>			
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở</b>			
1.1	Máy thủy bình	Cái	01	
1.2	Máy siêu âm bê tông cốt thép	Cái	01	
1.3	Máy quét khổ A3 tự động 2 mặt	Cái	01	
1.4	Máy in màu khổ A3	Cái	01	
1.5	Máy in Laser khổ A3	Cái	01	
1.6	Máy vi tính cấu hình cao	Cái	02	
1.7	Máy chiếu	Cái	01	
1.8	Máy ảnh	Cái	01	
<b>2</b>	<b>Thanh tra Sở</b>			
2.1	Máy thủy bình	Cái	01	
2.2	Máy siêu âm bê tông cốt thép	Cái	01	
<b>III</b>	<b>SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>			
1	Thiết bị kiểm tra hàm lượng lưu huỳnh trong dầu Diesel và Octan trong xăng	Cái	01	
<b>IV</b>	<b>SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>			
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở</b>			
1.1	Máy in Giấy phép lái xe + Máy ép màng bảo vệ.	Cái	02	
<b>2</b>	<b>Thanh tra Sở</b>			
2.1	Cân kiểm tra trọng tải ô tô (Loại cân xách tay 20 tấn /bánh xe.	Bộ	05	
<b>V</b>	<b>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>			
<b>1</b>	<b>Văn phòng Đăng ký đất đai</b>			
1.1	Máy đo đạc GPS RTK	Cái	02	
1.2	Máy đo toàn đạc điện tử Topcom	Cái	12	
1.3	Máy định vị vệ tinh Garmin GPSMap	Cái	20	
1.4	Máy in A3	Cái	18	
1.5	Máy Scan A3	Cái	18	

1.6	Máy in màu A0	Cái	04	
1.7	Máy Photocopy A3	Cái	18	
1.8	Máy Scan A4	Cái	24	
1.9	Máy định vị GPS Garmin OREGON 650	Bộ	01	
2	<b>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường</b>			
2.1	Thiết bị thu mẫu bụi tổng (TSP) ngoài hiện trường	Cái	01	
2.2	Máy lấy mẫu khí ngoài hiện trường	Cái	01	
2.3	Thiết bị đo khí thải công nghiệp (khí CO, NOx, SO <sub>2</sub> , O <sub>2</sub> )	Cái	01	
2.4	Thiết bị lấy mẫu bụi, hơi axit, hơi kim loại, dioxin/furan trong khí thải công nghiệp (Isokinetic)	Cái	01	
2.5	Thiết bị thu mẫu bụi hô hấp PM10 ngoài hiện trường	Cái	01	
2.6	Thiết bị đo tiếng ồn	Cái	01	
2.7	Thiết bị đo độ rung	Cái	01	
2.8	Thiết bị đo áp suất khí quyển	Cái	01	
2.9	Thiết bị đo nhiệt độ, tốc độ gió trong không khí	Cái	01	
2.10	Máy phát điện	Cái	01	
2.11	Máy định vị GPS	Cái	01	
2.12	Thiết bị đo đa chỉ tiêu (nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ dẫn điện, độ đục) trong nước	Cái	01	
2.13	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng	Cái	01	
2.14	Thiết bị đo lưu lượng nước thải	Cái	01	
2.15	Thiết bị đo tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Cái	01	
2.16	Thiết bị lấy mẫu trầm tích	Cái	01	
2.17	Thiết bị lấy mẫu sinh vật phù du	Cái	01	
2.18	Thiết bị quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis)	Cái	01	
2.19	Thiết bị quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Cái	01	
2.20	Thiết bị sắc ký khí ghép nối khối phổ (GC/MS)	Cái	01	
2.21	Thiết bị phân tích Thủy ngân (Hg) và Asen(As)	Cái	01	
2.22	Thiết bị chưng cất đạm	Cái	01	
2.23	Thiết bị xử lý mẫu tổng Nitơ	Cái	01	
2.24	Thiết bị xử lý mẫu 06 lỗ	Cái	01	
2.25	Thiết bị ly tâm mẫu	Cái	02	
2.26	Máy cô quay chân không	Cái	01	

2.27	Tủ sấy	Cái	02	
2.28	Tủ ủ	Cái	01	
2.29	Tủ cấy vi sinh	Cái	01	
2.30	Máy cất nước 02 lần	Cái	01	
2.31	Bộ xử lý mẫu chỉ tiêu COD	Cái	01	
2.32	Máy lọc nước Deion	Cái	01	
2.33	Tủ lạnh lưu mẫu, hóa chất chuẩn	Cái	03	
2.34	Tủ bảo quản hóa chất	Cái	01	
2.35	Tủ bảo quản mẫu chuyên dụng	Cái	01	
2.36	Tủ lạnh âm sâu	Cái	01	
2.37	Cân phân tích 04 số lẻ	Cái	01	
2.38	Nồi hấp tiệt trùng vi sinh	Cái	02	
2.39	Thiết bị đo pH trong phòng thí nghiệm	Cái	02	
2.40	Máy phá mẫu vi sóng	Cái	01	
2.41	Bơm chân không	Cái	02	
2.42	Nồi đun cách thủy	Cái	01	
2.43	Lò nung	Cái	01	
2.44	Bể ổn định nhiệt	Cái	01	
2.45	Tủ hút hóa chất	Cái	02	
2.46	Tủ ủ BOD5	Cái	01	
<b>3</b>	<b>Chi cục Biển</b>			
3.1	Máy tính thực địa loại bán siêu bền	Bộ	01	
3.2	Thiết bị định vị và định hướng	Bộ	01	
3.3	Phần mềm thủy đạc HyPack survey	Bộ	01	
3.4	Máy đo sâu đơn tia	Bộ	01	
3.5	Máy định vị cầm tay	Bộ	01	
3.6	Phao quây dầu ven bờ/ven sông	m	500	
3.7	Thiết bị thu gom dầu công suất từ 10 – 15 m <sup>3</sup> /h	Bộ	02	
3.8	Máy phun rửa áp lực cao	Bộ	02	
3.9	Dụng cụ thu gom dầu trên bãi biển	Bộ	50	
3.10	Máy phân tích đa chỉ tiêu	Bộ	01	
<b>4</b>	<b>Chi cục Bảo vệ môi trường</b>			
4.1	Hệ thống tiếp nhận, quản lý kết quả quan trắc tự động liên tục	Cái	01	
4.2	Máy đo độ ồn	Cái	01	
4.3	Máy đo độ rung	Cái	01	
4.4	Máy đo lưu lượng dòng chảy	Cái	01	
4.5	Máy đo nhanh một số chỉ tiêu môi trường nước (pH, độ dẫn, TDS,...)	Cái	01	
4.6	Máy đo vi khí hậu	Cái	01	
4.7	Máy đo nhanh một số chỉ tiêu môi trường khí thải (NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , CO, CO <sub>2</sub> ,...)	Cái	01	



4.8	Máy ảnh	Cái	01	
4.9	Máy quay phim	Cái	01	
4.10	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	01	
4.11	Thiết bị Radar xuyên đất (GPR hay Georadar)	Bộ	03	
<b>VI</b>	<b>ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH</b>			
1	Camera HD phóng viên	Cái	40	
2	Camera trường quay + xe màu	Cái	10	
3	Bàn kỹ xảo 32 line	Bộ	03	
4	Thiết bị lập và phát chương trình tự động chuẩn HD	Bộ	02	
5	Máy phát điện 100 KVA	Cái	01	
6	Hệ thống ánh sáng trường quay	Cái	01	
7	Tivi trường quay	Cái	04	
8	Bộ màn hình LED phim trường (1 lớn, 2 nhỏ)	Bộ	01	
9	Hệ thống Flycam và thiết bị đi kèm	Bộ	02	
10	Hệ thống truyền dân trực tiếp qua 4-5G/wifi chuẩn HD	Bộ	02	
11	Bộ lưu trữ trung tâm dung lượng 120TB	Cái	01	
12	Thiết bị không chế chia tín hiệu chuẩn HD	Cái	02	
13	Hệ thống mạng lưu trữ, quản lý tài liệu, ghi dựng và sản xuất chương trình nói mạng chuẩn HD	Cái	01	
14	Thiết bị tiền kỳ và lưu động	Cái	01	
15	Cải tạo, đầu tư và bổ sung nâng cấp xe màu lên chuẩn HD	Cái	01	
16	Xe màu	Cái	01	
17	Máy phát thanh	Cái	02	
18	Bộ máy bắn chữ, logo NTV	Cái	02	
19	Hệ thống cân cầu và chân	Bộ	01	
20	Bộ truyền quang trực tiếp	Bộ	03	
21	Ups ON LINE 10KW	Bộ	02	
22	Hệ thống Mutiview (cả màn hình 49 inch full HD)	Bộ	02	
23	Bộ ghi chương trình chuẩn HD	Bộ	06	
24	Hệ thống truyền tín hiệu HD (quang)	Bộ	03	
25	Bộ máy tính chuyên dụng (sản xuất và phát sóng chương trình phát thanh)	Bộ	06	
26	Bàn Mix chuyên dụng để thu chương trình phát thanh	Cái	02	
27	Hệ thống máy chủ và đường quang	Hệ thống	01	

28	Tivi kiểm tra loại Led 50"/hệ thống mutiview 3 hệ thống	Cái	30	
29	Bộ thu ghi chương trình 2 kênh chuẩn SD/HD	Bộ	06	
30	Bộ máy dựng phi tuyến chuẩn SD/HD giao tiếp MAM	Bộ	24	
31	Bộ máy biên tập/kiểm duyệt lưu động giao tiếp MAM	Bộ	06	
32	Hệ thống liên lạc nội bộ (intercom)	Hệ thống	02	
33	Hệ thống ánh sáng các phòng thu	Hệ thống	03	
34	Hệ thống deco các phòng thu	Hệ thống	03	
35	Máy lạnh trung tâm (240.000 BTU)	Hệ thống	02	
36	Hệ thống âm thanh Trung tâm SXCT	Hệ thống	01	
<b>VII</b>	<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>			
<b>1</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>			
1.1	Máy tách chiết DNA tự động	Cái	01	
1.2	Hệ thống Western Blot	Cái	01	
1.3	Tủ đông lạnh -86 độ C để lưu mẫu	Cái	01	
1.4	Hệ thống Realtime PCR 6 màu	Cái	01	
1.5	Máy quang phổ định lượng DNA/RNA/Protein	Cái	01	
1.6	Bộ Micropipette đơn kênh, có thể điều chỉnh thể tích (6 cây pipet, giá treo)	Cái	04	
1.7	Micropipet 8 kênh điện tử thể tích 10 - 300µl có thể điều chỉnh khoảng cách giữa các kênh và dụng cụ hỗ trợ cài đặt chương trình	Cái	02	
1.8	Micropipet 8 kênh điện tử thể tích 0.5 - 12.50 µl và giá sạc	Cái	02	
1.9	Bơm trợ hút pipet	Cái	04	
1.10	Tủ hút khí độc	Cái	01	
1.11	Máy cất nước 2 lần tự động	Cái	01	
1.12	Máy rửa khay vi thể	Cái	01	
1.13	Máy đọc khay vi thể	Cái	01	
1.14	Tủ thao thác PCR	Cái	01	
1.15	Máy ủ nhiệt khô, 2 block	Cái	01	
1.16	Giá giữ lạnh cho ống PCR (PCR-Cooler)	Cái	04	
1.17	Máy ly tâm lạnh	Cái	02	
1.18	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	01	

1.19	Tủ cây an toàn sinh học cấp II	Cái	01	
1.20	Tủ lạnh 1 – 10 độ C, thể tích 346 lit	Cái	02	
1.21	Tủ lạnh -10 đến -30 độ C, thể tích 346 lit	Cái	02	
1.22	Tủ đông lạnh -86 độ C để lưu mẫu	Cái	01	
1.23	Máy lắc Vortex	Cái	02	
1.24	Máy ly tâm lạnh	Cái	01	
1.25	Máy ly tâm	Cái	01	
1.26	Máy lắc ổn nhiệt có làm mát	Cái	01	
1.27	Máy ly tâm lạnh đa năng	Cái	01	
1.28	Cân phân tích, 210 g x 0.0001 g	Cái	01	
1.29	Máy luân nhiệt có chức năng Gradient	Cái	01	
1.30	Hệ thống điện di ngang và bộ nguồn	Cái	01	
1.31	Nồi hấp tiệt trùng có chức năng sấy khô	Cái	01	
1.32	Đồ nhựa tiêu hao	Cái	01	
1.33	Máy đếm khuẩn lạc tự động	Cái	01	
1.34	Máy lọc nước tinh khiết loại 2 từ nước máy	Cái	01	
1.35	Máy chuẩn bị môi trường nuôi cấy	Cái	01	
1.36	Hệ thống đồ môi trường tự động	Bộ	01	
1.37	Kính hiển vi soi nổi truyền hình	Cái	03	
1.38	Tủ âm CO <sub>2</sub> có điều khiển O <sub>2</sub> cửa kính chia 6 ngăn	Cái	01	
1.39	Tủ âm 150 lit	Cái	02	
1.40	Bể điều nhiệt (WATER BATH)	Cái	01	
1.41	Tủ cây an toàn sinh học cấp II	Cái	01	
1.42	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	02	
1.43	Cân phân tích, 210 g x 0.001g	Cái	01	
1.44	Cân phân tích, 210 g x 0.0001 g	Cái	01	
1.45	Tủ sấy đôi lưu cưỡng bức 250 lít	Cái	01	
1.46	Máy nghiền mẫu	Cái	01	
1.47	Tủ pha môi trường	Cái	01	
1.48	Máy rót môi trường	Cái	01	
1.49	Bộ Micropipette đơn kênh	Cái	01	
1.50	Micropipet điện tử, đơn kênh	Cái	03	
1.51	Bơm trợ hút pipet	Cái	02	
1.52	Kính hiển vi quang học	Cái	01	
1.53	Máy đo pH	Cái	01	
1.54	Máy quang phổ UV-Vis	Cái	01	
1.55	Đèn khí gas an toàn tiệt trùng dụng cụ nuôi cấy (Fireboy)	Cái	01	
1.56	Máy lắc vòng	Cái	01	
1.57	Nồi hấp tiệt trùng (phòng hấp đơn)	Cái	01	
1.58	Nồi hấp tiệt trùng (hấp sạch)	Cái	01	

1.59	Máy đếm tế bào máu tự động	Cái	01	
1.60	Máy xét nghiệm huyết học cho thú y	Cái	01	
1.61	Máy xét nghiệm sinh hóa cho thú y	Cái	01	
1.62	Máy siêu âm thú y	Cái	01	
1.63	Máy chụp X – Quang Thú y	Cái	01	
<b>2</b>	<b>Chi cục Thủy sản</b>			
2.1	Định vị vệ tinh	Cái	01	
2.2	Đồng hồ đo vòng tua máy	Cái	02	
2.3	Súng hơi cay	Cây	06	Khi mua sắm phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép
2.4	Tủ vô trùng	Cái	01	
2.5	Máy phân tích đa nguyên tố	Cái	01	
2.6	Máy đo OD	Cái	01	
2.7	Nồi hấp tiệt trùng ( <i>Hấp các dụng cụ</i> )	Cái	01	
2.8	Tủ sấy	Cái	01	
2.9	Máy Khuấy từ gia nhiệt	Cái	01	
2.10	Cân phân tích	Cái	02	
2.11	Kính hiển vi giải phẫu	Cái	01	
2.12	Kính hiển vi Quang học	Cái	02	
2.13	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	01	
2.14	Tủ âm nuôi cấy vi sinh	Cái	01	
2.15	Máy cất nước 2 lần tự động	Cái	01	
2.16	Máy ly tâm lạnh	Cái	01	
2.17	Máy lắc ống nghiệm	Cái	01	
2.18	Tủ lạnh 02 ngăn	Cái	01	
2.19	Lò vi sóng	Cái	01	
2.20	Micropipette (10ml, 100ml, 1000ml)	Cái	06	
2.21	Bàn đọc UV	Cái	01	
2.22	Tủ hút khí độc	Cái	01	
2.23	Máy nhiệt khô	Cái	01	
2.24	Máy quang phổ so màu	Cái	01	
2.25	Máy phá mẫu COD	Cái	01	
2.26	Máy luân nhiệt	Cái	02	
2.27	Motor nghiền mẫu	Cái	10	
2.28	Tủ đông chứa Mẫu	Cái	01	
2.29	Tủ âm 150 lít	Cái	01	
2.30	Bể cách thủy 11 lít	Cái	01	
2.31	Bể điều nhiệt (water bath)	Cái	01	
2.32	Tủ cấy an toàn sinh học cấp II	Cái	01	
2.33	Khuấy từ gia nhiệt	Cái	01	
2.34	Cân điện tự chính xác	Cái	02	

2.35	Máy lọc nước tinh khiết loại 2 từ nước máy	Cái	01	
2.36	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức 250 lít	Cái	01	
2.37	Kính hiển vi quang học ánh sáng đảo ngược (kính hiển vi soi ngược) kết nối máy tính	Cái	01	
2.38	Thiết bị đo nước đa chỉ tiêu loại cầm tay đi hiện trường	Cái	01	
2.39	Máy quang phổ uv-vis	Cái	01	
2.40	Tủ hút khí độc	Cái	01	
2.41	Máy lắc vortex	Cái	02	
2.42	Bộ pipet đơn kênh điều chỉnh được thể tích	Cái	04	
2.43	Máy lắc ôn nhiệt	Cái	01	
2.44	Máy ly tâm lạnh đa năng (ly tâm thu sinh khối)	Cái	01	
2.45	Máy ủ nhiệt khô	Cái	01	
2.46	Bộ điện di gel agarose cho DNA, RNA	Bộ	02	
2.47	Hệ thống chụp ảnh gel	Bộ	01	
2.48	Máy realtime PCR 5 màu	Cái	01	
2.49	Máy realtime My goMini	Cái	01	
2.50	Tủ cấy vi sinh vô trùng	Cái	01	
2.51	Máy đo quang phổ	Cái	01	
2.52	Bộ pipet đơn kênh điều chỉnh được thể tích	Bộ	01	
2.53	Nồi hấp tiệt trùng sạch ( <i>Hấp môi trường nuôi cấy vi sinh</i> )	Cái	01	
2.54	Tủ âm lạnh nuôi vi khuẩn	Cái	01	
2.55	Tủ lạnh mát 02 cánh loại lớn	Cái	02	
2.56	Tủ lạnh âm sâu chuyên dụng	Cái	01	
2.57	Tủ âm 86°C dung tích 415L	Cái	01	
2.58	Tủ thao tác vô trùng (Realtime PCR và PCR)	Cái	01	
2.59	Hệ thống máy Trạm bờ Chi cục Thủy sản	Bộ	02	
<b>3</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>			
3.1	Máy phun nước chữa cháy đeo vai	Cái	02	
3.2	Máy bơm nước chữa cháy (Máy bơm + Ống dẫn nước), loại trung	Bộ	01	
3.3	Nhà bạt cơ động	Bộ	01	
3.4	Đo khí tượng	Trạm	01	
3.5	Ống nhôm dẹt 2 mắt	Cái	02	
<b>VIII</b>	<b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>			

<b>1</b>	<b>Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông</b>			
1.1	Máy scanner khổ A3 tự động 2 mặt	Cái	01	
1.2	Máy scan màu đặc thù khổ A0 để scan các loại bản đồ chuyên ngành	Cái	01	
1.3	Máy in màu khổ A0	Cái	01	
1.4	Máy photocopy đặc thù khổ A0 để photo các loại bản đồ chuyên ngành	Cái	01	
1.5	Hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung	Cái	01	
1.6	Thiết bị tường lửa	Cái	01	
1.7	Bộ lưu điện chuyên dùng	Bộ	01	
<b>IX</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG ÁP DỤNG CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ.</b>			
1	Máy Scan phục vụ cho văn phòng	Cái	02	
2	Hệ thống máy chủ (bao gồm bộ lưu điện)	Hệ thống	04	